

Số: 1858 /QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tài liệu của các phòng chuyên môn trong Hệ thống Quản lý chất lượng ISO theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 năm 2018

### CHỦ TỊCH UBND HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống Nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo ISO 9001:2008 huyện,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tài liệu của các phòng chuyên môn trong Hệ thống quản lý chất lượng ISO theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 năm 2018 ( Danh mục tài liệu cụ thể kèm theo).

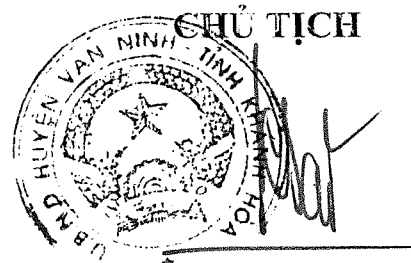
**Điều 2.** Giao Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vạn Ninh chịu trách nhiệm triển khai áp dụng và công bố công khai các tài liệu trong hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt và ban hành; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện và đề xuất Ban Chỉ đạo áp dụng ISO 9001:2008 huyện điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 7580/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc ban hành tài liệu nội bộ thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 của huyện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND và UBND huyện; Ban Chỉ đạo áp dụng ISO 9001:2008 huyện; Trưởng các phòng ban chuyên môn, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện Vạn Ninh, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Chi cục TCDLCL tỉnh;
- Chánh Văn phòng;
- Các Phó CVP;
- Lưu: VT, NC.



Trần Kim Bảo



**DANH MỤC TÀI LIỆU  
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TCVN ISO 9001: 2008**  
(Kèm theo Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 04/10/2018  
của Chủ tịch UBND huyện)

<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Sổ tay chất lượng</b>	<b>STCL-UBND</b>	
	Quy trình xem xét của lãnh đạo	QT.UBND.01	
	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT.UBND.02	
	Quy trình hành động khắc phục	QT.UBND.03	
	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT.UBND.04	
	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT.UBND.05	
	Quy trình kiểm soát văn bản đến - đi	QT.UBND.06	
	Quy trình đo lường sự thỏa mãn	QT.UBND.07	
	Quy trình kiểm soát văn bản không phù hợp	QT.UBND.08	
<b>2</b>	<b>Tài liệu của Phòng Kinh tế</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.KT	
	Quy trình gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV	QT.KT.01	
	Quy trình cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV	QT.KT.02	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá dưới 20 CV (trường hợp bị hư hỏng, mất)	QT.KT.03	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá dưới 20 CV (trường hợp mua bán tàu cá)	QT.KT.04	
	Quy trình cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20 CV	QT.KT.05	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.KT.06	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QT.KT.07	
	Quy trình cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang	QT.KT.08	

	trại		
	Quy trình giấy phép khai thác chính , tận dụng tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ	QT.KT.09	
	Quy trình cấp giấy phép khai thác , tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật	QT.KT.10	
	Quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh	QT.KT.11	
	Quy trình cấp hoặc cấp lại ( trường hợp hết thời gian hiệu lực) giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.12	
	Quy trình cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trường hợp bị mất và bị hỏng	QT.KT.13	
	Quy trình cấp hoặc cấp lại ( trường hợp hết thời gian hiệu lực) giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.14	
	Quy trình cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu trường hợp bị mất và bị hỏng	QT.KT.15	
	Quy trình cấp hoặc cấp lại ( trường hợp hết thời gian hiệu lực) giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.16	
	Quy trình cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.17	
	Quy trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	QT.KT.18	
	Quy trình bố trí ổn định dân cư trong huyện	QT.KT.19	
	Quy trình bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT.KT.20	
	Quy trình cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KT.21	
	Quy trình cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.22	
	Quy trình cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT.KT.23	
	Quy trình cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV	QT.KT.24	
	Quy trình cấp hoặc cấp lại ( do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi giấy chứng nhận hết	QT.KT.25	

	hiệu lực) Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ		
	Quy trình cấp lại ( do giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất) Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	QT.KT.26	
	Quy trình cấp hoặc cấp lại ( trường hợp hết thời gian hiệu lực) Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT.KT.27	
	Quy trình cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT.KT.28	
	Quy trình cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trường hợp bị mất và bị hỏng	QT.KT.29	
<b>3</b>	<b>Tài liệu của Thanh tra huyện</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.TTr	
	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện	QT.TTr.01	
	Quy trình giải quyết khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện	QT.TTr.02	
	Quy trình giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện	QT.TTr.03	
<b>4</b>	<b>Tài liệu của Phòng Y tế</b>		
	Yêu cầu năng lực trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.YT	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT.YT.01	
	Quy trình cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT.YT.02	
	Quy trình cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	QT.YT.03	
<b>5</b>	<b>Tài liệu của Phòng Nội vụ</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.NV	

	Quy trình cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT.NV.H01	
	Quy trình phê duyệt Điều lệ Hội và công nhận Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra ( khi Hội có đề nghị công nhận) đối với Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT.NV.H02	
	Quy trình công nhận Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn ( khi Hội có đề nghị công nhận) nhưng không đề nghị phê duyệt điều lệ Hội ( không sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội)	QT.NV.H03	
	Quy trình Đổi tên hội và phê duyệt điều lệ hội ( sửa đổi, bổ sung) Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT.NV.H04	
	Quy trình cho phép giải thể Hội đối với Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn tự giải thể	QT.NV.H05	
	Quy trình cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức Hội đối với Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT.NV.H06	
	Quy trình báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn	QT.NV.H07	
	Quy trình công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	QT.NV.H08	
	Quy trình đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong huyện	QT.NV.TG09	
	Quy trình đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong huyện	QT.NV.TG10	
	Quy trình thông báo chuyển chuyên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT.NV.TG11	
	Quy trình đăng ký chuyển chuyên nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	QT.NV.TG12	
	Quy trình chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện	QT.NV.TG13	
	Quy trình chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	QT.NV.TG14	
	Quy trình chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong huyện	QT.NV.TG15	
	Quy trình chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	QT.NV.TG16	
	Quy trình chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi huyện	QT.NV.TG17	

	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.TĐKT18	
	Quy trình tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	QT.NV.TĐKT19	
	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho gia đình	QT.NV.TĐKT20	
	Quy trình tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.NV.TĐKT21	
	Quy trình tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.NV.TĐKT22	
	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.NV.TĐKT23	
	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT.NV.TĐKT24	
	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.NV.TĐKT25	
	Quy trình tặng giấy khen cho tập thể, cá nhân (Ngoài khu vực nhà nước)	QT.NV.TĐKT26	
	cho phép thành lập cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT.NV.TĐKT27	
	cho phép thay đổi giám đốc cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện	QT.NV.TĐKT28	
	cho phép thay đổi trụ sở cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.	QT.NV.TĐKT29	
	cho phép thay đổi tên cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.	QT.NV.TĐKT30	
	cho phép thay đổi quy chế hoạt động cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.	QT.NV.TĐKT31	
	cho phép giải thể cơ sở bảo trợ xã Hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện.	QT.NV.TĐKT32	
	cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT33	
	cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT34	
	cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT35	

	công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT36	
	cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT37	
	cho phép quỹ được đổi tên và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT38	
	cho phép quỹ được hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT39	
	cho phép giải thể quỹ trong trường hợp quỹ tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn	QT.NV.TĐKT40	
<b>5</b>	<b>Tài liệu của Phòng Tài chính – Kế hoạch</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.TCKH	
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh – Giấy chứng nhận đăng ký thuế	QT.TCKH.01	
	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh – đăng ký thuế	QT.TCKH.02	
	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.03	
	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.04	
	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận hộ kinh doanh – Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế	QT.TCKH.05	
	Đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.06	
	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.07	
	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT.TCKH.08	
	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT.TCKH.09	
	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT.TCKH.10	
	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT.TCKH.11	
	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT.TCKH.12	



	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	QT.TCKH.13	
	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	QT.TCKH.14	
	Cấp lại Giấy chứng nhận hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT.TCKH.15	
	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QT.TCKH.16	
	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QT.TCKH.17	
	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hợp tác xã	QT.TCKH.18	
	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.19	
	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.TCKH.20	
	Tạm ngừng hoạt động kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.21	
	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.22	
	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT.TCKH.23	
	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.24	
	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT.TCKH.25	
	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT.TCKH.26	
	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	QT.TCKH.27	
	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	QT.TCKH.28	
	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT.TCKH.29	
	Mua quyền hóa đơn	QT.TCKH.30	
	Mua hóa đơn lẻ	QT.TCKH.31	
	Thẩm định và thông báo quyết toán việc đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách hàng năm	QT.TCKH.32	

<b>6</b>	<b>Tài liệu của Phòng Văn hóa và Thông tin</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.VHTT	
	Quy trình cấp giấy phép kinh doanh karaoke	QT.VHTT.01	
	Quy trình công nhận lần đầu “ cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “ đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT.VHTT.02	
	Quy trình công nhận “ Thôn văn hóa”, “ Làng văn hóa”, “ Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	QT.VHTT.03	
	Quy trình công nhận “ Tô dân phố văn hóa” và tương đương	QT.VHTT.04	
	Quy trình công nhận lần đầu “ Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VHTT.05	
	Quy trình công nhận lại “ Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VHTT.06	
	Quy trình công nhận lần đầu “ Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VHTT.07	
	Quy trình công nhận lại “ Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT.VHTT.08	
	Quy trình đăng ký hoạt động thu viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT.VHTT.09	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.10	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.11	
	Quy trình đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.12	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.13	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.14	
	Quy trình đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.15	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	QT.VHTT.16	
	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.17	

	Quy trình gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.18	
	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.19	
	Quy trình khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ phổ thông công cộng	QT.VHTT.20	
	Quy trình thay đổi thông tin khai báo dịch vụ phổ thông công cộng	QT.VHTT.21	
	Quy trình tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo	QT.VHTT.22	
<b>7</b>	<b>Tài liệu của Phòng Quản lý đô thị</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.QLĐT	
	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.QLĐT.01	
	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.QLĐT.02	
	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	QT.QLĐT.03	
	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh ( trường hợp thiết kế 1 bước)	QT.QLĐT.04	
	Cấp giấy phép xây dựng công trình	QT.QLĐT.05	
	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT.06	
	Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình	QT.QLĐT.07	
	Điều chỉnh giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT.08	
	Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ	QT.QLĐT.09	
	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.QLĐT.10	
	Thuê nhà ở công, vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện	QT.QLĐT.11	

	Cấp giấy phép xây dựng tạm thời một phần lòng đường, lề đường, hè phố trong đô thị làm nơi tập kết tạm thời để trưng chuyên hàng hóa; để vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị phục vụ thi công hạ tầng kỹ thuật, sửa chữa công trình	QT.QLĐT.12	
	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường, hè phố : Làm bãi đỗ xe, giữ xe công cộng tạm thời phục vụ nhu cầu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân; sử dụng tạm thời một phần hè phố làm nơi kinh doanh, buôn bán cho hộ gia đình và cá nhân; bố trí ki ốt tạm thời, lắp đặt tạm thời các biển hiệu, biển quảng cáo, mái che, mái che di động phục vụ nhu cầu kinh doanh, lễ hội, hoạt động du lịch, bưu chính, viễn thông	QT.QLĐT.13	
	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.	QT.QLĐT.14	
	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.	QT.QLĐT.15	
	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người	QT.QLĐT.16	
	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người	QT.QLĐT.17	
	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức	QT.QLĐT.18	

	ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.		
	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.	QT.QLĐT.19	
	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện không có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người	QT.QLĐT.20	
	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.	QT.QLĐT.21	
	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở đến 12 người.	QT.QLĐT.22	
<b>8</b>	<b>Tài liệu của Phòng Tư pháp</b>		
	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	TNQH.TP	
	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.01	
	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.02	
	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.03	
	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản ( áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không	QT.TP.04	

	thê ký, không thê điêm chỉ được)		
	Chứng thực việc sửa đỏi, bổ sung, hủy bỏ hợp đòng giao dịch	QT.TP.05	
	Sửa lỗi sai sót trong hợp đòng, giao dịch	QT.TP.06	
	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đòng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.07	
	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.08	
	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.09	
	Chứng thực hợp đòng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.10	
	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.11	
	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.12	
	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.13	
	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.14	
	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.15	
	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.16	
	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.17	
	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.18	
	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.19	
	Thay đỏi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.20	
	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.21	
	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.22	
	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ( khai sinh, giám hộ, nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, khai tử, thay đỏi hộ tịch)	QT.TP.23	

	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.24	
	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.25	
	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.26	
	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.27	
	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.28	
	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT.TP.29	
	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	QT.TP.30	
	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	QT.TP.31	
	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	QT.TP.32	
	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	QT.TP.33	
	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	QT.TP.34	
<b>9</b>	<b>Tài liệu Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội</b>		
	Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	QT.LĐ.08	
	Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiện cao	QT.LĐ.09	
	Đăng ký khai trình sử dụng lao động	QT.LĐ.10	
	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	QT.LĐ.11	
	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận người có công với cách mạng	QT.LĐ.41	
	Hỗ trợ văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.LĐ.42	
	Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	QT.LĐ.43	
	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT.LĐ.44	
	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐ.45	
	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐ.46	

	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT.LĐ.48	
	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐ.49	
	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.LĐ.50	
	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sỹ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sỹ	QT.LĐ.51	
	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.LĐ.52	
	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội ( bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	QT.LĐ.53	
	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐ.54	
	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐ.55	
	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐ.56	
	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội ( bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT.LĐ.57	
	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.LĐ.58	
	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT.LĐ.59	
<b>10</b>	<b>Tài liệu Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>		
	Quy trình thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GDDĐT.01	
	Quy trình cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDDĐT.02	
	Quy trình cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GDDĐT.03	



	Quy trình sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	QT.GDĐT.04	
	Quy trình giải thể trường trung học cơ sở	QT.GDĐT.05	
	Quy trình thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.06	
	Quy trình cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.07	
	Quy trình sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.08	
	Quy trình Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.09	
	Quy trình thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GDĐT.10	
	Quy trình cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.11	
	Quy trình cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.12	
	Quy trình sáp nhập, chia tách trường tiểu học	QT.GDĐT.13	
	Quy trình giải thể trường tiểu học ( theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDĐT.14	
	Quy trình thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDĐT.15	
	Quy trình cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDĐT.16	
	Quy trình thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trung học cơ sở	QT.GDĐT.17	
	Quy trình cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.18	
	Quy trình thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thục	QT.GDĐT.19	
	Quy trình cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.20	
	Quy trình cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.21	
	Quy trình sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDĐT.22	
	Quy trình giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ ( theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GDĐT.23	

	Quy trình chuyển đổi trường học bỏ túc trung học cơ sở	QT.GDĐT.24	
	Quy trình công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GDĐT.25	
	Quy trình đánh giá, xếp loại “ cộng đồng học tập” cấp xã	QT.GDĐT.26	
	Quy trình công nhận trường tiểu học đạt chuẩn mức chất lượng tối thiểu	QT.GDĐT.27	
	Quy trình chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT.GDĐT.28	
	Quy trình chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT.GDĐT.29	
	Quy trình chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GDĐT.30	
	Quy trình chuyển đổi trường học bỏ túc trung học cơ sở	QT.GDĐT.31	
	Quy trình chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDĐT.32	
	Quy trình xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã thôn đặc biệt khó khăn	QT.GDĐT.33	
	Quy trình hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	QT.GDĐT.34	
	Quy trình cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GDĐT.35	
	Quy trình đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	QT.GDĐT.36	
	Quy trình xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	QT.GDĐT.37	
	Quy trình cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ số gốc	QT.GDĐT.38	
	Quy trình chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT.GDĐT.39	
	Quy trình hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GDĐT.40	
<b>11</b>	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>		
	Quy trình chuyển mục đích phải được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.TNMT.01	
	Quy trình chuyển mục đích sử dụng đất phải được các cơ quan nhà nước cho phép ( trường hợp một phần thửa)	QT.TNMT.02	

	Quy trình giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.03	
	Quy trình giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình cá nhân, giao đất cho cộng đồng dân cư đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.04	
	Quy trình thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT.TNMT.07	
	Quy trình thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ sạt lở, sụt lún có nguy cơ đe dọa tính mạng con người	QT.TNMT.08	
	Quy trình giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT.TNMT.09	
	Quy trình gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghiệp cao, khu kinh tế ( trường hợp xác nhận thay đổi trên giấy chứng nhận đã cấp)	QT.TNMT.14	
	Quy trình gia hạn sử dụng đất, ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (trường hợp cấp giấy chứng nhận mới)	QT.TNMT.15	
	Quy trình cấp giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.16	
	Quy trình xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TNMT.10	
	Quy trình xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	QT.TNMT.11	
	Quy trình xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNMT.12	
	Quy trình lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT.TNMT.13	
	Quy trình bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm ( đối với trường hợp có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận)	QT.TNMT.17	

